

ĐẠO HIẾU TRONG GIA HUẤN VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

TS. Thân Thị Hạnh *

Tóm tắt: Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, giáo dục Đạo Hiếu luôn được đề cao và được xem là nhiệm vụ trung tâm trong giáo dục gia đình. Từ thế kỷ XV, cùng với sự xác lập vị thế mới của Nho giáo, giáo dục Đạo Hiếu càng được đề cao và được thể hiện thông qua các văn bản, gọi là “gia huấn”. Trong bài viết, tác giả tập trung làm rõ quan niệm truyền thống về Đạo Hiếu, nội dung giáo dục Đạo Hiếu đối với con trai, con gái trong gia đình được trình bày trong một số tác phẩm gia huấn của Việt Nam.

Từ khóa: Đạo Hiếu, Gia huấn, tư tưởng Việt Nam thời phong kiến.

Nhận bài: 24/11/2024; đưa vào quy trình biên tập 24/11/2024; duyệt đăng 25/6/2025.

1. Đặt vấn đề

Mạnh tử (372 - 289 TCN) - một triết gia phương Đông đã cho rằng: Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia (gốc của thiên hạ tại nước, gốc của nước là tại gia đình). Thật vậy, gia đình là cơ sở quan trọng nhất để tạo lập kỷ cương và là mấu chốt trong giữ gìn sự ổn định xã hội, do vậy, từ khi có gia đình, giáo dục gia đình luôn được quan tâm.

Trong lịch sử giáo dục gia đình Việt Nam, giáo dục Đạo Hiếu luôn được đề cao. Tuy nhiên, việc ghi lại thành văn nội dung giáo dục Đạo Hiếu trong những gia huấn, thì phải tới thế kỷ XV mới bắt đầu. Ban đầu, Đạo Hiếu trong những văn bản này chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, dần dần, nội dung Đạo Hiếu ngày càng gần gũi với truyền thống văn hóa dân tộc và gia huấn dần trở thành một bộ phận quan trọng trong đời sống tinh thần của gia đình người Việt. Cho đến nay, một số nội dung của Đạo Hiếu trong gia huấn xưa đã lạc hậu, nhưng bên cạnh đó vẫn còn những giá trị cần được kế thừa trong giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay trên tinh thần gạn đục khơi trong.

2. Khái quát về “Đạo Hiếu” và “gia huấn”

2.1. Quan niệm về “Đạo Hiếu”

“Hiếu” là một chuẩn mực đạo đức vô cùng quý báu của văn hóa gia đình Việt Nam và ở thời kỳ nào Hiếu cũng là một nội dung cơ bản trong giáo dục gia đình. Không những vậy, Hiếu còn là một tiêu chuẩn trong đánh giá nhân cách con người, một nguyên tắc lựa chọn hành vi, vì vậy, Hiếu được người Việt nâng lên thành Đạo - Đạo Hiếu, Đạo làm con.

Đạo có thể hiểu là đường đi, phương hướng sống, cũng có thể hiểu là đạo lý, tức là nguyên lý nền tảng cho suy nghĩ, hành động của con người. “Đạo” cũng được xem như nhân sinh quan của con người sống theo lẽ phải. Theo Đào Duy Anh: “Đức tốt của con đối với cha mẹ là hiếu” [1, tr. 295]. Như vậy, Đạo Hiếu được coi là một nguyên lý ứng xử của con cái đối với thế hệ đi trước, ông bà, cha mẹ.

Từ khi có xã hội loài người, quy tắc ứng xử của thế hệ sau với thế hệ trước đã được bàn đến, và được gói trong phạm trù Hiếu. Ban đầu phạm trù “Hiếu” mang ý nghĩa tôn giáo, chỉ sự tế tự tổ tông. Về sau, với sự xuất hiện của Nho giáo, Hiếu trở thành một chuẩn mực đạo đức, một phạm trù mang ý nghĩa luân lý

với tinh thần nhân văn. Đạo Hiếu có thể được xem xét ở nhiều góc độ, tuy vậy, trong văn hóa Việt Nam truyền thống, Đạo Hiếu được bàn đến ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, Hiếu là con cái biết ơn, kính trọng ông bà, cha mẹ. Biểu hiện khi ông bà, cha mẹ còn sống thì con cái phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo, ân cần. Khi ông bà, cha mẹ khuất núi thì con cháu thành tâm lo tang lễ, cúng tế,... Tư tưởng xuyên suốt về Hiếu là sự phụng dưỡng, chăm sóc, biết ơn. Với tinh thần đó, Hiếu còn được hiểu là “lòng kính yêu và biết ơn cha mẹ” [5, tr. 439].

Thứ hai, con Hiếu phải biết bảo vệ thân thể, chăm sóc sức khỏe, tu dưỡng đạo đức, tri thức của mình. Từ đó, trở thành người có sức khỏe, tri thức, nhân cách, đức độ theo yêu cầu của xã hội, xứng đáng với mong mỏi của cha mẹ.

Thứ ba, con Hiếu là có năng lực kế thừa hương hỏa, sự nghiệp của tổ tông; giữ gìn được gia đạo, phát huy truyền thống dòng họ. Với quan niệm như vậy, các thế hệ sau không chỉ giữ gìn được truyền thống văn hóa cho gia đình, cho xã hội mà còn giữ cho các mối quan hệ trong gia đình, gia tộc được hài hòa, tình nghĩa.

2.2. Gia huấn

“*Gia huấn*” là một từ Hán Việt, xuất phát từ hai từ “gia giáo” và “đình huấn”, đều có nghĩa là *giáo dục trong gia đình*, trong đó nhấn mạnh giáo dục đạo đức, tu thân, rèn luyện nhân cách. Ở Việt Nam, giáo dục gia đình được trình bày thành văn bản thì được gọi là gia huấn, còn được trình bày bằng văn vần thì gọi là gia huấn ca. Nội dung gia huấn thường là những ghi chép lời dạy dỗ của thế hệ trước đối với con em mình. Gia huấn là một di sản văn hóa quý giá của dân tộc Việt Nam, đó là kết tinh của tư tưởng giáo dục, kinh nghiệm ứng xử trong gia đình truyền thống.

Mục đích của gia huấn là duy trì tinh thần gia đình, dòng họ qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Vì vậy, cùng với sự vận động của thực tiễn, nội dung gia huấn Việt Nam ngày càng đa dạng, phức tạp. Trước thế kỷ XV, Đạo Hiếu chưa phải là nội dung chủ yếu trong

gia huấn. Từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XIX, cùng với sự phát triển của Nho giáo và chế độ phong kiến, các văn bản gia huấn xuất hiện ngày càng nhiều, tác giả của các gia huấn đều là những nhà Nho học, làm quan hoặc làm thầy giáo. Các tác phẩm đều coi Đạo Hiếu là nội dung cơ bản, xuyên suốt.

Từ những khảo sát sơ lược trên chúng ta có thể khẳng định: Gia huấn là phương tiện của giáo dục trong gia đình Việt Nam thời phong kiến. Nó do các trí thức Việt Nam viết ra, nhằm truyền tải những khía cạnh quan trọng của giáo dục trong gia đình.

2.3. Một số nhân tố ảnh hưởng đến Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến

Thứ nhất, ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội.

Đặc trưng của nền kinh tế Việt Nam thời phong kiến là sản xuất nông nghiệp tự cấp tự túc, mỗi gia đình Việt Nam truyền thống là một đơn vị kinh tế khép kín, lấy sản xuất nông nghiệp làm căn bản. Tình hình đó làm cho cuộc sống con người gắn bó quanh làng, xã, chỉ biết có gia đình, dòng họ và những người thân mà mình có quan hệ ràng buộc nhiều đời. Trong khung trời nhỏ đó, mỗi người là con người của trách nhiệm và nghĩa vụ, sống gắn bó với cộng đồng hiện tại và thế hệ trước. Đây là cơ sở thực tiễn nảy sinh đạo Hiếu.

Chế độ ruộng họ, ruộng hương hỏa là cơ sở kinh tế trực tiếp cho việc củng cố, duy trì, phát triển Đạo Hiếu trong các gia huấn thời kỳ này. Thực ra, một kiểu của ruộng họ đã xuất hiện từ thời Lý - Trần, nhưng nó chỉ tồn tại trong gia đình hoàng tộc và số ít quý tộc Trần. Từ thời Lê sơ trở đi, ruộng họ được phát triển cả trong các tầng lớp bình dân. Hoa lợi của loại ruộng này được các gia đình góp làm vốn hàng năm chi dùng cho việc tế lễ, thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên. Mục đích của ruộng họ được Gia phả họ Trần ở làng Quỳnh Dương (Diễn Châu, Nghệ An) ghi rõ: “Nhằm làm cho khói hương tông tộc không bao giờ dứt”.

Điều kiện chính trị - xã hội bao gồm những sự kiện, biến động của lịch sử, cấu trúc

gia đình Việt Nam truyền thống và những quy chuẩn của làng xã, quốc gia từ thế kỷ XV trở đi cũng ảnh hưởng đến quan niệm về Hiếu.

Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XIX có nhiều biến động. Điều đó được phản ánh rất sâu sắc trong ý thức của bộ phận tiến bộ nhất của xã hội là các Nho sĩ. Họ đưa ra ý tưởng: muốn ổn định xã hội, quốc gia hưng thịnh đều bắt đầu từ giữ ổn định gia đình, từ mối quan hệ cha con, do vậy, Đạo Hiếu dần được đề cao, và dần được điều chỉnh theo thực tiễn. Do đó, Đạo Hiếu trong các gia huấn ở giai đoạn sau có nội dung phong phú, cụ thể, sát thực hơn.

Cấu trúc gia đình Việt Nam truyền thống cũng góp phần củng cố đạo Hiếu. Gia đình Việt Nam truyền thống là kiểu đại gia đình - thân tộc, tại đó các thành viên nhiều thế hệ liên kết với nhau bằng chuỗi quan hệ huyết thống, sống quây quần gần nhau. Kiểu gia đình này làm cho mỗi người cảm thấy an toàn, cố kết hơn. Nhưng muốn duy trì được kiểu gia đình này, cần có những chuẩn mực đạo đức trong ứng xử giữa các thành viên, trong đó, Đạo Hiếu là sợi chỉ đỏ xuyên suốt.

Dòng họ, gia tộc cũng là cơ sở xã hội cho việc hình thành gia huấn và Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến. Trong lịch sử, dòng họ, gia tộc giúp củng cố Đạo Hiếu bằng việc hợp thức hóa các niềm tin, soạn gia phả, viết gia huấn, tộc ước, tộc lễ, ... Nhờ đó, từng cá nhân có ý thức hơn về nguồn cội và nhớ ơn tổ tiên. Do đó, gia phả đã giúp củng cố đạo Hiếu.

Làng xã xưa cũng góp phần xây dựng, củng cố Đạo Hiếu trong các gia huấn. Làng xã Việt Nam, từ lịch sử hình thành, tự thân nó đã là nơi chứa đựng những quan hệ huyết thống, nhiều khi làng được đồng nhất với gia tộc, dòng họ, lấy tên dòng họ làm tên làng (như Phùng Xá, Dương Xá, Đặng Xá, ...). Trong mối quan hệ họ hàng tầng bậc, làng xã là nơi sinh ra, nơi ở, nơi hướng về của mỗi người; là nơi có mồ mả, bát hương của tổ tiên. Điều này làm con cháu hướng nhiều hơn về chuẩn mực chung của gia đình, làng xã.

Trong lịch sử, làng xã Việt Nam bằng nhiều cách khác nhau cũng góp phần củng cố đạo Hiếu. Một trong số đó là việc ban hành hương ước - như những quy định chung nhất mà mọi người trong làng phải tuân theo. Hương ước thành văn xuất hiện ở Việt Nam từ thế kỷ XV, do các nho sĩ soạn thảo, khi vấn đề gia huấn, Đạo Hiếu trong gia huấn trở nên cấp thiết. Do vậy, nó ảnh hưởng không nhỏ đến tác giả các gia huấn khi quan niệm về đạo Hiếu.

Ngoài ra, các triều đại phong kiến Việt Nam cũng góp phần không nhỏ trong việc củng cố, phát triển nội dung Đạo Hiếu nói chung và trong gia huấn nói riêng. Điều này thể hiện việc Đạo Hiếu được nhà nước luật hóa trong các văn bản pháp luật. Đạo Hiếu được xem là một trong những nguyên tắc trị nước, củng cố gia đình, làm tiêu chuẩn để rèn luyện nhân cách, ràng buộc mối quan hệ giữa con người với con người. Tác giả của những bản gia huấn cũng đều là những nhà Nho, những đại diện của tư tưởng hiếu trung theo hệ tư tưởng phong kiến. Vì vậy, những chính sách, pháp luật mang nội dung hiếu như trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến quan niệm Hiếu của họ.

Thứ hai, ảnh hưởng của đời sống văn hóa tinh thần người Việt

Đạo Hiếu trong gia huấn thời kỳ này còn chịu ảnh hưởng từ truyền thống văn hóa của người Việt là tư tưởng trọng lão, trọng tuổi và truyền thống uống nước nhớ nguồn. Từ lâu, trong dân gian đã hình thành tư tưởng: “Kính lão đắc thọ” vốn vừa là một lời khuyên răn, vừa nói lên một phương châm xử thế trong gia đình và ngoài xã hội của người Việt.

Đạo Hiếu trong văn hóa Việt Nam còn biểu hiện ở lòng biết ơn, uống nước nhớ nguồn: “Đạo Hiếu quý nhất trên đời/ Những người có hiếu, phước trời ban cho”. Người dân Việt, qua ca dao tục ngữ đã khẳng định ý nghĩa chân chính của Hiếu với ý nghĩa thờ phụng cha mẹ là một việc làm phúc đức nhất, là lòng thiện hiện thực nhất, hơn cả việc “tu tâm” ở chùa: “Tu đâu cho bằng tu nhà/ Thờ cha kính mẹ mới là chân tu”. Chữ Hiếu là quan trọng như

vậy nên trong văn hóa của người Việt, người không có hiếu, không yêu thương, kính trọng cha mẹ thì không thể trở thành người tốt với làng xã, có ích với xã hội được.

Đạo Hiếu đã trở thành một chuẩn mực đạo đức lâu bền, đi vào tiềm thức, từ đó, *hiếu thâm nhập vào cả tâm linh người Việt*. Tín ngưỡng tiêu biểu thể hiện Đạo Hiếu ở Việt Nam là thờ cúng tổ tiên. Người Việt có niềm tin linh thiêng vào sự tồn tại, đồng hành của người đã khuất với con cháu. Bản chất của tín ngưỡng này là thể hiện lòng thành kính, biết ơn của con cháu đối với tổ tiên đã khuất. Vì thế, việc con cháu thực hành tín ngưỡng này một cách rộng rãi lại góp phần nuôi dưỡng, “lưu truyền” lòng hiếu đến thế hệ sau.

Như vậy, người Việt từ xa xưa đã rất coi trọng hiếu, hiếu ăn sâu trong nếp nghĩ, hành động của họ, trở thành một Đạo - Đạo Hiếu. Đạo Hiếu không chỉ là một phạm trù đạo đức mà còn là một phạm trù của tín ngưỡng thế tục. Hiếu còn là một điều luật xã hội. Hiếu cũng là một giá trị quan trọng nhất, một “sàng lọc” ý nghĩa nhất để con người tiếp nhận và cải biến các giá trị đạo đức khác.

Thứ ba, ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo

Nho giáo là một học thuyết chính trị - đạo đức lấy Hiếu làm giá trị cơ bản. Nho giáo coi mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái là một trong ba mối quan hệ rường cột của xã hội. Làm tiêu chuẩn trong mối quan hệ này, Nho giáo đặt ra yêu cầu “Phụ từ tử hiếu” (Cha hiền từ, con hiếu thảo), thậm chí còn nhấn mạnh tinh thần “Phụ sử tử sự” (Cha quyết, con phục tùng). Như vậy, để ổn định gia đình, vai trò của người cha “từ” là quan trọng, nhưng sự thuận theo của người con còn quan trọng hơn. Do vậy, Nho giáo đặc biệt đề cao đạo Hiếu. Theo Nho giáo, Hiếu được hiểu là: (1) Con cháu có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống và thờ cúng khi cha mẹ đã mất; (2) Con cháu phải biết vâng lời cha mẹ, không được khiến cha mẹ buồn phiền; (3) Con có hiếu phải sinh con trai, kế thừa hương hỏa tổ tông; kế tục sự nghiệp và ý chí của cha, làm rạng danh

gia đình. Theo Nho giáo, Hiếu có quan hệ chặt chẽ với Trung. Người con có hiếu trong gia đình là điều kiện để trở thành bề tôi trung của quốc gia.

Nho giáo vào Việt Nam từ đầu thời Bắc thuộc và dần có ảnh hưởng mạnh mẽ với đời sống tinh thần xã hội Việt Nam truyền thống. Người Việt tiếp thu nhiều nội dung luân lý đạo đức của Nho giáo, trong đó có việc đề cao đạo Hiếu. Các Nho sĩ Việt Nam trong quá trình soạn gia huấn, đã dần đưa nội dung hiếu của Nho giáo vào giáo dục gia đình.

Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến còn chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Trong quá trình người Việt tiếp nhận và cải biến, nhiều nội dung của Phật giáo đã trở thành phương tiện truyền tải và củng cố Đạo Hiếu trong tâm thức của người dân, tiêu biểu ở hai nội dung sau: (1) Phật giáo đề cao nghiệp và nhân quả, tức là cuộc sống của con người hiện tại chẳng qua là quả của kiếp trước, đồng thời là nhân của kiếp sau. Do đó, khi con người suy tư, hành động cũng là lúc con người đang tạo nghiệp cho mình. Vì vậy, trong gia đình, việc người con thực hiện hiếu với cha mẹ không chỉ là mong muốn của bản thân mà còn đang là tấm gương giáo dục về Đạo Hiếu có ý nghĩa sâu sắc cho thế hệ sau; (2) Phật giáo Việt Nam đưa Hiếu vào các nghi lễ mang tính thiêng, tiêu biểu là lễ Vu Lan - Lễ báo hiếu cha mẹ. Điều này cũng phù hợp với truyền thống hiếu nghĩa, với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, do vậy, ngày lễ này được người dân tích cực đón nhận.

Phật giáo quan niệm, Đạo Hiếu là nền tảng của đạo làm người. Người con không có hiếu, không có đạo đức thì không thể thoát khỏi vòng luân hồi. Theo đó, thực hành hiếu là một nhu cầu hiển nhiên của Phật tử trên con đường tìm kiếm tu tập, kiếm tìm hạnh phúc và sự bình an vĩnh hằng. Những lời răn dạy như: “Tu đầu cho bằng tu nhà/Thờ cha kính mẹ mới là chân tu”, cho thấy sự kế thừa tư tưởng Phật giáo trong thực hành Hiếu của người Việt.

3. Đạo Hiếu - nội dung cơ bản của gia huấn Việt Nam thời phong kiến

3.1. Vị trí của Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến

Phạm vi mà gia huấn đề cập đến là tất cả chuẩn mực, luân lý đạo đức trong quan hệ gia đình. Việc xác định vị trí của Đạo Hiếu trong gia huấn thời phong kiến đòi hỏi phải xác định được vị trí của Đạo Hiếu trong các mối quan hệ và các chuẩn mực đạo đức luân lý đó.

Thực ra Đạo Hiếu luôn được nhắc đến trong các gia huấn, nhưng gia huấn lại là sản phẩm của một thời kỳ nhất định nên ở những thời kỳ khác nhau, *vị trí của Đạo Hiếu trong gia huấn* là không giống nhau. Trước thế kỷ XV, chữ Hiếu không phải là nội dung cơ bản của gia huấn. Hiện nay, người ta còn lưu lại được một bản gia huấn thời Trần là Giáo tử phú được viết bằng chữ Nôm, viết theo thể trường thiên, tương truyền là của Mạc Đĩnh Chi. Nhưng nội dung cơ bản của bài phú này là giáo dục lòng từ bi, sống làm phúc theo tinh thần Phật giáo, cả bài giáo huấn, chỉ có một câu nói về chữ Hiếu là: “*Đội ơn trời đất, cha mẹ sinh thành, cho kíp chớ chầy, tu hành làm bụt*” [2]. Điều này cho thấy, phạm vi chữ Hiếu chưa được quan tâm, nội dung bàn đến chưa toàn diện.

Nhưng từ thế kỷ XV trở đi, Đạo Hiếu dần trở thành một nội dung cơ bản của các gia huấn. Điều đó thể hiện:

Thứ nhất, Đạo Hiếu điều chỉnh mối quan hệ cơ bản nhất trong gia đình là mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái được xem là mối quan hệ hàng dọc, rường cột trong gia đình. Để điều chỉnh mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, các tác giả gia huấn đề cao giá trị đạo đức “hạt nhân” là “từ - hiếu” (cha từ, con hiếu). Trong đó, từ của cha mẹ là tình thương yêu, là sự bao dung, là trách nhiệm dạy dỗ đối với con cái. Nhưng từ không được xem là yêu cầu bắt buộc. Trong khi đó, thái độ, ứng xử của con cái đối với cha mẹ - tức là Hiếu, lại là

tiêu chí tối quan trọng trong luân lý đạo đức của mỗi người con, của đạo làm con. Con cái không có hiếu với cha mẹ thì bị đánh giá là kẻ bỏ đi, tức là không có đạo đức, do đó, không có tư cách đứng trong xã hội: “Hiếu là trăm nét đầu lông/Người chẳng thảo thuận, là lòng muông dê” [8, tr. 180].

Thứ hai, trong việc tu dưỡng đạo đức của con người từ khi sinh ra đến hết cuộc đời thì đức Hiếu được xem là gốc, được bồi dưỡng đầu tiên, là cơ sở bồi dưỡng các đức khác. Gia huấn Việt Nam thời phong kiến từ thế kỷ XV trở đi đặt ra nhiều chuẩn mực đạo đức đối với các thành viên, trong các chuẩn mực đó, Đạo Hiếu được xác định là “đứng đầu trăm nét”, là gốc của mọi việc dạy đạo lý, gia phong. Người con hiếu sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc, chuẩn mực đạo đức của gia đình, gia tộc, biết “trên kính dưới nhường”. Chính vì vậy mà gia đình được ổn định, nền nếp. Vì vậy, giáo dục Đạo Hiếu được thực hiện rất sớm. Trong bài học võ lòng, ngay từ đầu đứa trẻ đã được học rằng: “Cây có gốc mới mở nhánh xanh ngon,/Nước có nguồn mới bể rộng, sông sâu/Người ta nguồn gốc từ đâu? Có cha có mẹ rồi sau có mình” [6, tr. 216].

Hiếu là cội nguồn, là cơ sở bồi dưỡng đức khác cũng là nguồn gốc để có được phúc thiện: “Điều hiếu đứng vững/Muôn điều thiện theo/Phúc thiện đứng đạo/Phúc lành kéo dài” (Xuân Đình gia huấn²) [7, tr. 70]. Người xưa giải thích ý nghĩa của từ “dục” trong từ “giáo dục gia đình” (gia huấn) như sau: “Dưỡng tử sử tác thiện dã” (Nuôi con mà khiến nó làm điều thiện). Bậc cha mẹ nào nuôi dưỡng con vất vả cũng mong muốn con “nên người”, “làm điều thiện”. Như vậy, nhiệm vụ của gia huấn chính là làm thế nào để dạy con làm điều thiện, được phúc lành.

Thứ ba, từ chỗ nhấn mạnh đạo Hiếu, tác giả các gia huấn đã cho rằng: hiếu cũng là một điều kiện quan trọng để đảm bảo cho sự hòa hợp của dòng tộc, là cái bồi đắp sự thịnh vượng, kỷ cương cho cả dòng tộc: “Hơn nữa báo ứng/Sinh con hiếu thuận/Tiếp theo cháu hiếu/Gốc ngọn trăm đời” (Xuân Đình gia huấn) [7, tr. 70].

Như vậy, Đạo Hiếu là nội dung cơ bản của các gia huấn từ thế kỷ XV, là phẩm chất hàng đầu trong bảng giá trị đạo đức cần có của con người, đồng thời, nó là điều kiện quan trọng để bồi đắp cho sự hòa hợp, cố kết, kỷ cương trong gia đình, sự thịnh vượng của gia tộc, dòng họ. Đạo Hiếu được xem là ngọn lửa thiêng hun đúc tinh thần gia tộc và cơ sở xây dựng tinh thần đó ở các thế hệ sau.

3.2. Nội dung giáo dục Đạo Hiếu trong gia huấn Việt Nam thời phong kiến

Gia huấn được ban hành để giáo dục mọi thành viên trong gia đình, trong đó có giáo dục đạo Hiếu. Giáo dục Đạo Hiếu trong gia đình được hiểu là giáo dục đạo làm con của con trai và con gái. Trong xã hội phong kiến, sự phân biệt hai giới này khá rõ ràng, nội dung giáo dục cũng không giống nhau.

Thứ nhất, giáo dục Đạo Hiếu cơ bản với con trai

Một là, người con trai hiếu là khi cha mẹ còn sống thì phải chăm sóc với lòng thành kính, khi cha mẹ mất thì phải phụng thờ chu đáo. Song, quan trọng nhất là sự phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ còn tại thế.

Sự phụng dưỡng khi cha mẹ còn sống thể hiện ở việc: chăm chút bữa ăn, thức uống cho cha mẹ cẩn thận, chu đáo, phù hợp. Có đồ ăn ngon, cần dâng biếu cha mẹ. Đồng thời, cần sớm hỏi chiều thăm, đi thưa về trình với niềm cung kính,... từ đó giúp cha mẹ khỏe mạnh, an tâm, vui vẻ. Trong *Hành Tham quan gia huấn*, Bùi Huy Bích (1744 - 1818), giáo dục con cháu: “Xuân Huyền⁽³⁾ trăm tuổi tốt tươi/ Đạo thời phải cứ dưỡng nuôi hết lòng” [8, tr. 181]. Tác giả *Gia huấn điển ca* cũng cho rằng: “Con cho phải Đạo Hiếu nhi/Ấm mền, mát gối sánh bì Huỳnh Hương⁽⁴⁾/Đi thưa rồi trở về trình/Chẳng nên chơi nhẩy ở phương xa hoài/Như mình có trí có tài/Làm quan cũng phải đoái hoài song thân/May mà mình ở dạng gần/Bạc lương cũng phải chia phần mẹ cha/Rủi mà mình ở phương xa/Thời là phải rước về nhà mà nuôi” [4, tr. 29]. Như vậy, con cháu hiếu kính với ông bà, cha mẹ trước hết phải thể hiện ở lòng thành kính, thể

hiện ra ở những hành động cụ thể, ân cần, chu đáo, thường xuyên: “Điều hòa hạ mát, đông ôn/ Một niềm đình tĩnh thần hôn chớ dời” [8, tr. 181]. Đây là một tiêu chí quan trọng xác định người con đó có hiếu hay không.

Khi cha mẹ đã khuất, lòng hiếu của con trai thể hiện ở việc lo tang lễ khi cha mẹ qua đời, thờ cúng và giữ gìn mộ phần của tổ tiên. Trong tang lễ, con cháu cần lo chu đáo, đáng quý là ở sự thành tâm chứ không cần phung phí. Các tác giả nhắc nhở các con cần đoàn kết lo việc chung: “Dặn ai giữ lễ thủy chung/ Lọ là lăm của, có lòng thì hơn/Giàu làm kép, khó làm đơn/Thế nào phải, kéo thế gian chê cười” [8, tr. 181].

Sau tang lễ, thì con trai cần đảm nhiệm việc cúng tế cha mẹ một cách chu đáo, cẩn thận. Lòng hiếu của con thật sự hay không lúc này sẽ thể hiện ở sự kiên trì chăm chút hương khói, giữ gìn mộ phần sạch sẽ, mà nếu không thực tâm, khó mà làm được: “Linh nhi yên chốn tuyền tài/Ba năm thăm viếng như ngày tai sinh” [8, tr. 182].

Hai là, con trai hiếu phải thực hiện nghĩa vụ lấy vợ, thêm người chăm sóc cha mẹ, cai quản gia đình, sinh con nối dõi hương hỏa tổ tông: “Trai nên lấy bầy lấy ba/Lấy về hầu hạ nhà ta/Thêm hờ, nầy quế có là con ai” [3, tr. 16]. Như vậy, con trai hiếu lấy vợ trước hết để chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ; sau nữa là sinh con nối dõi, làm cho hương hỏa của gia đình không bao giờ tắt. Con làm được như vậy, cũng là một cách thể hiện đạo Hiếu.

Ba là, con trai có hiếu cũng là người có ý thức tu thân, lập chí thành người có đức và học hành, làm nên sự nghiệp. Một số gia huấn coi đây là lẽ sống của người con trai, thậm chí là hướng phấn đấu của mọi người trong gia đình. Người con trai hiếu trước hết thực hiện tu dưỡng đạo đức, làm cho cha mẹ vui lòng. Từ tình cảm hiếu kính, mở rộng ra hài hòa với anh em, thân thiện với xóm giềng,... Tác giả khẳng định, người con hiếu sẽ được hưởng “lộc trời”. “Lộc” không hẳn chỉ là vật chất, mà còn là sự kính trọng, tin cậy của những người xung quanh, từ đó tạo phúc cho gia đình.

Người con hiếu còn chăm chỉ học hành, lập thân lập nghiệp, phấn đấu hiển vinh. Khi còn trẻ thì “Say sưa kinh sử chớ khuây/ Sắt mài ắt hẳn có ngày nên kim” [3, tr. 37]. Chăm chỉ học tập để: “Hay thì chiếm bảng ngôi khoa/ Chẳng hay có chữ rộng ra mọi nghề” [8, tr. 187]. Như vậy, báo Hiếu không chỉ dừng ở làm quan, mà còn là làm một người tự lập, có ích cho xã hội, cho quốc gia. Từ chuẩn mực hiếu trong gia đình, tác giả các gia huấn đã khéo léo mở rộng ra thành trung với quốc gia, có ích với dân chúng.

Thứ hai, giáo dục Đạo Hiếu cơ bản với con gái

Người con gái trong xã hội phong kiến không được đi học, cho nên, sự giáo dục chủ yếu diễn ra trong gia đình. Các tác giả gia huấn thời kỳ này phân chia việc giáo dục Đạo Hiếu của người con gái khi còn “tại gia” và khi đã “xuất giá”.

Một là, người con gái hiếu thuận khi chưa xuất giá biết học các công việc tề gia để giúp đỡ cha mẹ: “Phận con gái ở cùng cha mẹ/ Lòng phải chăm học khéo, học khôn” [3, tr. 26]. Đồng thời, biết thuận theo cha mẹ: “Khi chưa xuất giá tại đường/Việc nhà xem sóc giữ gìn tùy cha” [8, tr. 191]. Như vậy, khi chưa xuất giá, người con gái đã chăm lo về: đức hạnh, may vá, nội trợ, canh củi, học cách vun vén gia đình, thức khuya dậy sớm,...: “Vui niềm nữ tặc, nữ công/Kiểm cần đôi chữ tấm lòng chớ sai” [8, tr. 191]. Thực chất ở đây là dạy người con gái theo tư tưởng “tam tông”, “tứ đức” của Nho giáo. Mục đích của việc học tập này là để khi “xuất giá hồi môn” có thể gánh vác được giang sơn nhà chồng, không để gia đình chồng chê trách. Việc người con gái thực hiện được điều này, cũng là khẳng định bản thân là con nhà “gia giáo”, làm vui lòng cha mẹ ở nhà.

Hai là, Đạo Hiếu khi đã về nhà chồng, tác giả các gia huấn nêu lên tinh thần Hiếu với sơi chỉ đỏ là “phụng dưỡng” và “kính thờ”: “Làm dâu thì chỉ kính mới nên” [3, tr. 27]. Tức là, người con gái đi làm dâu thì phải ngoan hiền, chăm lo chu toàn công việc nhà chồng, làm vui lòng cha mẹ chồng: “Đến ngày nghi thất

nghi gia/Thì càng vẹn chữ nét na chu lành/ Dịu dàng cần hậu trịnh thành/Chữ rằng nhi nữ tại bình há chơi/Đi làm con gái nhà người/Giữ niềm tần tảo sớm mai chuyên cần” [8, tr. 191-192].

Gia huấn Việt Nam thời phong kiến yêu cầu với người phụ nữ đã xuất giá thì phải tâm niệm một niềm “kính tôn hầu hạ song thân nhà chồng” [8, tr. 192]. Khi có công việc thì không được tị nạnh, phân biệt bên nội bên ngoại. Trong đó, ưu tiên công việc nhà chồng nhiều hơn.

Người con gái là phận dâu con, với những nơi thờ tự phải chăm chút sao cho ấm cúng, sạch sẽ, theo đúng nghi thức. Đặc biệt trong các dịp cúng cáo gia tiên, giỗ chạp, ... phận làm dâu phải quán xuyến cho tròn phận sự: “Lại là hiếu với tổ tiên/Những ngày giỗ tết không nên vắng nhà/Đồ cúng cấp, hương trà tinh khiết/Theo lễ nghi, khép nép, khoan thai/ Ăn nhiều, ăn ít cho rồi/Chớ điều ghê lạnh lẽu thôi lại về” [3, tr. 13].

Như vậy, giáo dục Đạo Hiếu với người phụ nữ trong các gia huấn Việt Nam thời phong kiến chủ yếu ở nội dung “kính” và “thuận”. Lòng hiếu thuận chủ yếu thể hiện ở sự vâng lời, phụng dưỡng cha mẹ hai bên, đặc biệt là cha mẹ chồng. Sự tu dưỡng của người phụ nữ chủ yếu để đảm nhận chức năng là người vợ hiền, dâu thảo, gánh vác giang sơn nhà chồng chứ không nhằm phát huy năng lực cá nhân. Đây cũng là hạn chế chung của giáo dục người phụ nữ trong xã hội phong kiến ở các nước chịu ảnh hưởng của Nho giáo.

4. Kết luận

Đạo Hiếu là một giá trị đạo đức quý báu của văn hóa Việt Nam từ truyền thống. Từ thế kỷ XV, nó trở thành nội dung xuyên suốt trong các gia huấn Việt Nam. Đạo Hiếu mang nhiều ý nghĩa, nhưng tập trung ở một số nội dung cơ bản như: là tình cảm tự nhiên của con người, biểu hiện tiêu biểu nhất ở sự phụng dưỡng, chăm sóc ông bà, cha mẹ với lòng thành kính, tự hoàn thiện bản thân mình cho cha mẹ vui lòng; là gốc của các giá trị

đạo đức, là thước đo nhân cách và là một giá trị xã hội cao quý của con người. Đạo Hiếu được thể hiện ở nhiều góc độ. Trong các gia huấn, có sự phân biệt việc thực hiện Đạo Hiếu giữa con trai và con gái. Tuy vậy, tinh thần chung là tình cảm biết ơn, báo đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ bằng những hành động cụ thể, lâu dài.

Ngày nay, chúng ta nghiên cứu Đạo Hiếu và thực hiện Đạo Hiếu trong lịch sử, không chỉ là để tìm hiểu, đánh giá, mà còn soi chiếu mình trong chiều dài của sự phát triển. Do vậy, việc nghiên cứu về Đạo Hiếu trong các gia huấn Việt Nam thời phong kiến cũng là cơ hội để gạn lọc các giá trị thường hằng, kế thừa và phát huy trong tiến trình phát triển của cá nhân và phụng sự xã hội.

CHÚ THÍCH

- (2) Xuân Đình gia huấn là sách giáo dục trong gia đình của dòng họ Lê Hữu. Tác phẩm được viết năm Quý Ty, niên hiệu Thành Thái (năm 1893). Cuốn sách gồm 34 chương, châm và giới (TTH)
- (3) “Xuân Huyền” là từ cổ dùng để chỉ cha mẹ.
- (4) Huỳnh Hương: người thời Đông Hán, 9 tuổi mẹ mất, thương khóc thảm thiết, sớm khuya hầu hạ cha, quạt nồng ấp lạnh, gọi là “phiến chăm ôn khâm” [4, tr. 33].

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đào Duy Anh (2005): *Hán Việt tự điển giản yếu*, Nxb Văn hóa thông tin.
- Mạc Đĩnh Chi: *Giáo tử phú*, <https://www.thivien.net/M%E1%BA%A1c-%C4%90%C4%A9nh-Chi/Gi%C3%A1o-t%E1%BB%AD-ph%C3%BA/poem-97x3h4Wf3kRCztKXV75XBQ>
- Khuyết danh (1952): *Gia huấn ca*, Thi nham Đình Gia Thuyết đỉnh chính và chú thích, SGK Tân Việt.
- Khuyến danh (2005): *Gia huấn điển ca*, Võ Văn Sở dịch Việt ngữ, Nxb Phương Đông.
- Hoàng Phê chủ biên (2004): *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- Phạm Côn Sơn (2005): *Gia lễ xưa và nay*, Nxb Thanh niên.
- Nguyễn Thịnh và Phạm Ánh Sao chọn trích và phiên dịch (1990): *Xuân Đình gia huấn*, Tạp chí Xã hội học, số 3 - 1990.
- Tủ sách lịch sử văn hóa (1998): *Danh nhân văn hóa Bùi Huy Bích (1744 - 1818)*, Trung tâm UNESCO thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, Hà Nội.

